

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 19.3.2022

THỈNH PHẬT LÀM VUA
Kinh Cai Trị (Rajjasuttam)

CHƯƠNG IV. TƯƠNG ƯNG ÁC MA, PHẨM THỨ HAI (S.i, 116)

Đức Phật tự hỏi về khả tính của sự cai trị thiên hạ mà không dùng tới tư pháp. Ác ma Phật rơi vào bẫy của mình bằng lời khuyên thỉnh Ngài dùng thần lực và trí lực để làm đại đế. Đức Phật dạy rõ khi nguồn cội của đau khổ chính là khát ái. Sự ham muốn vốn không bao giờ thoả mãn dù có cả núi vàng hoặc nhân đôi núi vàng cũng không chấm dứt được khát ái. Nói cách khác, càng có nhiều thì khao khát càng tăng, và vì vậy, đau khổ càng nhiều. Thấy khao khát là nhân sanh khổ, bậc trí không tìm giải pháp bằng cách thoả mãn sự khao khát. Cũng là câu chuyện Ma không bao giờ thấu hiểu cảnh giới cao rộng của Phật.



Kinh Văn

Ekam samayaṃ bhagavā kosalesu viharati himavantapadese [himavantapasse (sī.)] araṇṇakuṭikāyaṃ.

Thuở ấy Đức Thế Tôn trú ở Kosala, dưới chân rừng Hi Mã Lạp Sơn, tại một am thất trong rừng.

Atha kho bhagavato rahogatassa paṭisallīnassa evaṃ cetaso parivitakko udapādi – “sakkā nu kho rajjaṃ kāretuṃ ahanāṃ aghāṭayaṃ ajinaṃ ajāpayāṃ asocaṃ asocāpayāṃ dhammenā”ti?

Bây giờ Đức Thế Tôn trong lúc độc cư, ý nghĩ sao đây khởi lên trong tâm: Có thể chẳng để trị vì đất nước một cách đúng pháp mà không giết chóc hay khiến người giết chóc; không chinh phạt hay khiến người chinh phạt; không sàu muộn hay khiến người sàu muộn?”

Atha kho māro pāpimā bhagavato cetasā cetoparivitakkamaññāya yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantam etadavoca –

Rồi Ác ma khi đọc được ý nghĩ của Đức Thế Tôn liền đi đến Ngài nói rằng:

kāretu, bhante, bhagavā rajjam, kāretu, sugato, rajjam ahanam aghātayam ajinam ajāpayam asocam asocāpayam dhammenā’’ti.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cai trị! Thiện Thệ hãy cai trị một cách đúng pháp không giết hại, không khiến người giết hại; không chinh phạt, không khiến người chinh phạt; không sâu muộn, không khiến người sâu muộn.

“Kim pana me tvam, pāpima, passasi yam mam tvam evam vadesi – ‘kāretu, bhante, bhagavā rajjam, kāretu sugato, rajjam ahanam aghātayam ajinam ajāpayam asocam asocāpayam dhammenā’’ti?

-- Này Ác ma, người thấy gì mà nói rằng “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cai trị! Thiện Thệ hãy cai trị một cách đúng pháp không giết hại, không khiến người giết hại; không chinh phạt, không khiến người chinh phạt; không sâu muộn, không khiến người sâu muộn”?.

“Bhagavatā kho, bhante, cattāro iddhipādā bhāvitā bahulikatā yānikatā vatthukatā anuṭṭhitā paricitā susamāraddhā. Ākaṅkhamāno ca, bhante, bhagavā himavantam pabbatarājam suvaṇṇam tveva adhimucceyya suvaṇṇaṅca panassā’’ti

Bạch Thế Tôn, bốn thần túc đã được Thế Tôn tu tập, làm cho sung mãn, làm thành phương tiện vận chuyển, làm thành căn cứ địa, ổn cố, thuần thực, viên mãn. Bạch Thế Tôn, nếu Ngài muốn có thể khiến Hi Mã Lạp Sơn, vua của các núi, thành vàng ròng; với chú nguyện núi sẽ biến thành vàng ròng.

“Pabbatassa suvaṇṇassa, jātārūpassa kevalo; Dvittāva nālamekassa, iti vidvā samañcare.

“Yo dukkhamaddakkhi yatonidānam, Kāmesu so jantu katham nameyya; Upadhim veditvā saṅgoti loke, Tasseva jantu vinayāya sikkhe’’ti.

(Thế Tôn)

Dù núi vàng, toàn vàng

Nhân đôi cũng không đủ
Khiến lòng người thoả mãn
Hiểu vậy, sống an nhiên
Người thấy nguồn cội khổ
Sao có thể hưởng dục?
Hiểu sở y ở đời
Tu giải trừ trói buộc

Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ bhagavā, jānāti maṃ sugato”ti dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.

Ác ma biết được: "Thê Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta" nên buồn và thất vọng liền biến mất tại chỗ ấy.



Thích văn

Pabbatassa suvaṇṇassa jātarūpassa kevalo = Dù núi làm bằng vàng, toàn là vàng
Dvittāva nālamekassa = Nhân gấp đôi cũng không khiến người thoả mãn
iti vidvā samañcare = Hiểu rõ như vậy, sống an nhiên

Yo dukkhamaddakkhi yatonidānaṃ = Một người thấy đau khổ đến từ đâu
Kāmesu so jantu kathaṃ nameyya = Sao có thể hưởng thụ dục lạc?
Upadhiṃ veditvā saṅgoti loke = Biết được sở y là trói buộc trong đời
Tasseva jantu vinayāya sikkhe'ti = Tu tập để giải trừ điều đó



Thích nghĩa

Theo Sớ giải Trường Bộ thì một vị đã tu tập viên mãn thân tức có thể kéo dài đời sống cả đại kiếp hoặc trọn thời gian còn lại của đại kiếp. Ác ma nói lên điều này không phải vì sự kính trọng đối với năng lực của Phật mà muốn Ngài chạy theo quyền lực, do vậy, rơi vào cương toả của Ma.

Bài kinh này, và cả Tam Tạng, không có câu trả lời về khả tính của sự an dân trị quốc mà không dùng đến trọng hình để ổn định nền pháp trị. Mặc dù kinh điển có

nói về sự ra đời của các “chuyển luân thánh vương” trị vì thiên hạ bằng chánh pháp nhưng do năng lực của phúc nghiệp thù thắng hơn là do sự hiệu dụng của một chính sách tự nhiên an dân mà không dùng tới tư pháp.

Chữ yatonidānam – cội nguồn của đau khổ – ở đây chỉ cho năm dục trướng dưỡng.

Theo Sớ giải thì chữ upadhi – sở y hay sanh y ở đây chỉ cho kāmagona -upadhi (dục sanh y); còn chữ saṅgo – dính mắc, cột trói – chỉ cho mũi tên (salla).

*Tỳ kheo Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình
-ooOoo-*

10. Rajjasuttam [Mūla]

156. Ekaṃ samayaṃ bhagavā kosalesu viharati himavantapadese [himavantapasse (sī.)] araṇṇakuṭikāyaṃ. Atha kho bhagavato rahogatassa paṭisallīnassa evaṃ cetaso parivittakko udapādi – “sakkā nu kho rajjaṃ kāretuṃ ahanam aghātayaṃ ajinaṃ ajāpayam asocaṃ asocāpayam dhammenā”ti?

Atha kho māro pāpimā bhagavato cetasā cetoparivittakkamaññāya yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantam etadavoca – “kāretu, bhante, bhagavā rajjaṃ, kāretu, sugato, rajjaṃ ahanam aghātayaṃ ajinaṃ ajāpayam asocaṃ asocāpayam dhammenā”ti. “Kimi pana me tvam, pāpima, passasi yaṃ maṃ tvam evaṃ vadesi – ‘kāretu, bhante, bhagavā rajjaṃ, kāretu sugato, rajjaṃ ahanam aghātayaṃ ajinaṃ ajāpayam asocaṃ asocāpayam dhammenā’”ti? “Bhagavatā kho, bhante, cattāro iddhipādā bhāvitā bahulīkatā yānīkatā vatthukatā anuṭṭhitā paricitā susamāraddhā. Ākaṅkhamāno ca, bhante, bhagavā himavantam pabbatarājam suvaṇṇam tveva adhimucceyya suvaṇṇaṅca panassā”ti [suvaṇṇapabbatassāti (sī. syā. kaṃ.), suvaṇṇaṅca pabbatassāti (pī.)].

“Pabbatassa suvaṇṇassa, jātarūpassa kevalo;
Dvittāva nālamekassa, iti vidvā samañcare.

“Yo dukkhamaddakkhi yatonidānam, Kāmesu so jantu katham nameyya;
Upadhim viditvā saṅgoti loke, Tasseva jantu vinayāya sikkhe”ti.

Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ bhagavā, jānāti maṃ sugato”ti dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.

10. Rajjasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

156. Dasame **ahanam aghāyanti** ahanantena aghāyantena. **Ajinam ajāpayanti** parassa dhanajāniṃ akarontena akārāpentena. **Asocam asocāpayanti** asocantena asocāpayantena. Iti bhagavā adhammikarājūnaṃ rajje vijite daṇḍakarapīḷite manusse disvā kāruṇṇavasena evaṃ cintesi. **Upasaṅkamīti** “samaṇo gotamo ‘sakkā nu kho rajjam kāretu’nti cintesi, rajjam kāretukāmo bhavissati, rajjaṅca nāmetam pamādaṭṭhānaṃ, rajjam kārente sakkā otāraṃ labhituṃ, gacchāmi ussāhamassa janessāmī”ti cintetvā upasaṅkami. **Iddhipādāti** ijghanakakoṭṭhāsā. **Bhāvitāti** vaḍḍhitā. Bahulīkatāti punappunaṃ katā. **Yānikatāti** yuttayānaṃ viya katā. **Vatthukatāti** patitṭhaṭṭhenavatthukatā. Anuṭṭhitāti avijahitā niccānubaddhā. **Paricitāti** sātaccakiriyāya supericitā katā issāsassa avirādhitavedhihattho viya. **Susamāraddhāti** suṭṭhu samāraddhā paripuṇṇabhāvanā. **Adhimucceyyāti** cinteyya.

Pabbatassāti pabbato bhaveyya. **Dvittāvāti** tiṭṭhatu eko pabbato, dvikkhattumpi tāva mahanto suvaṇṇapabbato ekassa nālam, na pariyattoti attho. **Iti vidvā samaṅcareti** evaṃ jānanto samaṃ careyya. **Yatonidānanti** dukkhaṃ nāma pañcakāmaguṇanidānaṃ, taṃ yatonidānaṃ hoti, evaṃ yo adakkhi. **Katham nameyyāti** so jantu tesu dukkhassa nidānabhūtesu kāmesu kena kāraṇena nameyya. **Upadhiṃ viditvāti** kāmaguṇaupadhiṃ “saṅgo eso, lagganameta”nti evaṃ viditvā. **Tasseva jantu vinayāya sikkheti** tasseva upadhissa vinayāya sikkheyya. Dasamaṃ.